

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 195/2025/HS-ST

Ngày: 11 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Như Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Ngọc Long;
- Bà Lê Thị Phương Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoài Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 171/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2025/HSST-QĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2025/HSST-QĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Thị N, sinh ngày 10/3/1952 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Số C đường N, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Số C đường N, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B, không rõ năm sinh (đã chết) và bà Nguyễn Thị N1, không rõ năm sinh (đã chết); anh, chị, em ruột gồm có 06 (sáu) người kể cả bị cáo; bị cáo có chồng tên Lê Văn K, sinh năm 1951 và có 04 (bốn) người con, lớn nhất sinh năm 1972, nhỏ nhất sinh năm 1983.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2025 đến ngày 21/3/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Bùi Thị H, sinh ngày 01/01/1960 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Số B đường N, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Số B đường N, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn B1, không rõ năm sinh (đã chết) và bà Nguyễn Thị B2, sinh

năm 1939; anh, chị, em ruột gồm có 07 (bảy) người kể cả bị cáo; bị cáo có chồng tên Nguyễn Văn N2, sinh năm 1960, đã chết ngày 12/4/2025; bị cáo có 06 người con, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 2000.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28/6/2021, Công an xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép theo Điểm a Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, phạt tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, bị cáo H đã đóng tiền phạt vào ngày 22/9/2021.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2025 đến ngày 17/4/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

3. Họ và tên: Phan Thị P, sinh ngày 01/01/1959 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Số A đường V, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Số A đường V, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Đ, không rõ năm sinh (đã chết) và bà Nguyễn Thị H1, không rõ năm sinh (đã chết); anh, chị, em ruột gồm có 07 (bảy) người kể cả bị cáo; bị cáo có chồng tên Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1958 và có 05 (năm) người con, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1983.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2025 đến ngày 17/4/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

4. Họ và tên: Phan Hữu T (tên gọi khác: N3), sinh ngày 14/02/1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Ấp G, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Số B đường N, ấp P, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T1, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; anh, chị, em ruột gồm có 03 (ba) người kể cả bị cáo; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số 32/2017/HSST ngày 28/02/2017, bị cáo kháng cáo. Ngày 01/6/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án số 32/2017/HSST ngày 28/02/2017. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/10/2021.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2025 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

5. Họ và tên: Trịnh Nhựt T2, sinh ngày 01/01/1981 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Số A đường B, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Số A đường B, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Nhựt G, sinh năm 1952 và bà Lâm Thị E,

sinh năm 1952 (đã chết); anh, chị, em ruột gồm có 05 (năm) người kể cả bị cáo; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thu T3, sinh năm 1984 và có 01 (một) người con sinh năm 2024.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2007, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 (mười tám) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 121/2007/HSST ngày 07/9/2007, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/10/2008.

Năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án số 39/2018/HSST ngày 14/3/2018. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/01/2019.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2025 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

6. Họ và tên: Lý Chí L1, sinh ngày 01/3/2004 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Số C B, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Số E đường N, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Dung M, sinh năm 1978 (đã chết) và bà Trần Thị Phương H2, sinh năm 1984; anh, chị, em ruột gồm có 05 (năm) người kể cả bị cáo; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2025 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

7. Họ và tên: Nguyễn Chí L2, sinh ngày 01/01/1987 tại tỉnh Bạc Liêu; nơi đăng ký thường trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nơi ở hiện tại: Ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1960 và bà Trần Thị B3, sinh năm 1961; anh, chị, em ruột gồm có 02 (hai) người kể cả bị cáo; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 78/2022/HS-ST ngày 20/5/2022. Chấp hành xong ngày 28/10/2024.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2010, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 158/2010/HSST ngày 30/8/2010, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2025 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

8. Họ và tên: Trần Thị C, sinh ngày 25/5/1958 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S, không rõ năm sinh (đã chết) và bà Nguyễn Thị N4, không rõ năm

sinh (đã chết); anh, chị, em ruột gồm có 04 (bốn) người kể cả bị cáo; bị cáo có chồng tên Tô Thanh X, sinh năm 1954 (đã chết) và có 02 (hai) người con, sinh năm 1983 và sinh năm 1988.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2025 đến ngày 21/3/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

9. Họ và tên: Nguyễn Văn T5, sinh ngày 02/11/1966 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị C1, không rõ năm sinh (đã chết), cha: Không rõ; anh, chị, em ruột gồm có 02 (hai) người kể cả bị cáo; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Kim P1, sinh năm 1963; bị cáo không có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2025 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

10. Họ và tên: Nguyễn Văn T6, sinh ngày 07/6/1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Ấp A, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Ấp A, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q, không rõ năm sinh (đã chết) và bà Nguyễn Thị H3, không rõ năm sinh (đã chết); anh, chị, em ruột gồm có 09 (chín) người kể cả bị cáo; bị cáo có vợ tên Hồ Thị Quỳnh C2, sinh năm 1981 và có 03 (ba) người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2009.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 23/02/2024, Công an xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép theo Điểm a Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ, phạt tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, bị cáo T6 đã đóng tiền phạt vào ngày 26/02/2024.

Nhân thân: Năm 2002, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 (bảy) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 130/HSST ngày 27/11/2002, đã chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2025 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

11. Họ và tên: Phạm Hữu T7, sinh ngày 23/02/1978 tại tỉnh Long An; nơi đăng ký thường trú: Ấp F, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; nơi ở hiện tại: Ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N5, sinh năm 1945 (đã chết) và bà Bùi Thị N6, không rõ năm sinh; anh, chị, em ruột gồm có 04 (bốn) người kể cả bị cáo; bị cáo có vợ tên Mai Thị Hồng T8, sinh năm 1977 và có 02 (hai) người con, sinh năm 2012 và sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 02/4/2018, Công an xã T, huyện C ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép theo Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, phạt tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, bị cáo T7 đã đóng tiền phạt vào ngày 02/4/2018.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2025 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị N không có nghề nghiệp ổn định, sinh sống tại địa chỉ số C đường N, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân, vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 17/01/2025, N đã chuẩn bị các dụng cụ chơi lắc bầu cua gồm: 03 (ba) hột xí ngầu có 06 mặt: bầu, cua, tôm, cá, gà, nai (gọi tắt là hột bầu cua), 01 chiếc nắp nhựa, 01 đĩa nhôm, 01 cái bàn nhựa màu đỏ bên trên có chữ B, C, T, C3, N, G1 và ghế nhựa để tổ chức đánh bạc thắng thua bằng tiền tại khu đất trống cạnh nhà Số B đường N, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hình thức đánh bạc, N làm cái cho các con bạc đặt cược số tiền từ 10.000 (mười nghìn) đồng đến 100.000 (một trăm nghìn) đồng thắng thua trực tiếp với N. Khi bắt đầu ván chơi, 03 hột bầu cua sẽ được N để vào đĩa nhôm rồi đập lại bằng nắp nhựa. Sau đó, N lắc các hột bầu cua cùng lúc và kết quả được giữ kín. Các con bạc bắt đầu đặt cược tiền vào một hoặc nhiều hình “Bầu, C4, T9, C3, N8, G1” (tương ứng với các chữ B, C, T, Cá, N, G1 trên bàn nhựa) cùng một lúc trong cùng một lượt chơi. Khi việc đặt cược đã hoàn thành, N sẽ mở kết quả và thông báo các hình biểu tượng xuất hiện. Nếu trong 03 hột bầu cua có xuất hiện các hình biểu tượng mà con bạc đặt cược tiền thì N thua và phải trả lại tiền đặt cược cho con bạc, đồng thời trả thêm tiền thua cược bằng với số lần biểu tượng đó xuất hiện nhân với số tiền cược cho con bạc; ngược lại nếu hình biểu tượng không xuất hiện thì N sẽ thắng toàn bộ số tiền đặt cược của con bạc và việc giao nhận tiền đánh bạc được thực hiện tại chiếu bạc.

Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, N lắc hột bầu cua cho những người tham gia đánh bạc đặt cược gồm: Bùi Thị H đặt 10.000 (mười nghìn) đồng vào ô hình “Cua” và 10.000 (mười nghìn) đồng vào ô hình “Nai”; Phan Thị P đặt 10.000 (mười nghìn) đồng vào ô hình “Cá” và 10.000 (mười nghìn) đồng vào ô hình “Gà”; Phan Hữu T đặt 30.000 (ba mươi nghìn) đồng vào ô hình “Cá” và 30.000 (ba mươi nghìn) đồng vào ô hình “Cua”; Trịnh Nhựt T2 đặt 10.000 (mười nghìn) đồng vào ô hình “Bầu”; Lý Chí L1 đặt 20.000 (hai mươi nghìn) đồng vào ô hình “Cá”; Nguyễn Chí L2 đặt 60.000 (sáu mươi nghìn) đồng vào ô hình “Bầu”; Trần Thị C đặt 20.000 (hai mươi nghìn) đồng vào ô hình “Cua”; Nguyễn Văn T5 đặt 40.000 (bốn mươi nghìn) đồng vào ô hình “Nai”; Nguyễn Văn T6 đặt 20.000 (hai mươi nghìn) đồng vào ô hình “Bầu” và 40.000 (bốn mươi nghìn) đồng vào ô hình “Cua”; Phạm Hữu T7 đặt 20.000 (hai mươi nghìn) đồng vào ô hình “Nai”. Khi tất cả đặt cược xong, N chưa mở nắp nhựa và chưa biết kết quả thắng thua thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ tang vật gồm: Tiền 9.510.000 (chín triệu năm trăm mười nghìn) đồng, trong đó: T10 trên chiếu bạc 330.000 (ba trăm ba mươi nghìn) đồng, thu tiền trên người các con bạc sử dụng vào mục đích

đánh bạc là 9.180.000 (chín triệu một trăm tám mươi nghìn) đồng; 03 (ba) hột xí ngẫu có 06 mặt: Bầu, cua, tôm, cá, gà, nai; 01 (một) chiếc nắp nhựa; 01 (một) đĩa nhôm; 01 (một) cái bàn nhựa màu đỏ bên trên có chữ B, C, T, C3, N, G1 bị gãy 01 chân bàn; 06 (sáu) cái ghế nhựa; 01 (một) bóng đèn chiếu sáng; 01 (một) đoạn dây điện dài khoảng 09m màu trắng; 01 (một) xô màu vàng bị khoét ở vùng đáy xô.

Tại Bản Cáo trạng số 236/CT-VKSCC ngày 26/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố Trần Thị N về tội “Tổ chức đánh bạc” theo Điểm a Khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Bùi Thị H, Phan Thị P, Phan Hữu T, Trịnh Nhựt T2, Lý Chí L1, Nguyễn Chí L2, Trần Thị C, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn T6, Phạm Hữu T7 về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo Trần Thị N, Bùi Thị H, Phan Thị P, Phan Hữu T, Trịnh Nhựt T2, Lý Chí L1, Nguyễn Chí L2, Trần Thị C, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn T6, Phạm Hữu T7 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 17/01/2025, tại khu đất trống cạnh nhà Số B đường N, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo N đã chuẩn bị các dụng cụ chơi lắc bầu cua để các con bạc đặt cược và thắng thua trực tiếp với bị cáo N. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, N lắc hột bầu cua cho những người tham gia đánh bạc đặt cược gồm: Bùi Thị H đặt 10.000 (mười nghìn) đồng vào ô hình “Cua” và 10.000 (mười nghìn) đồng vào ô hình “Nai”; Phan Thị P đặt 10.000 (mười nghìn) đồng vào ô hình “Cá” và 10.000 (mười nghìn) đồng vào ô hình “Gà”; Phan Hữu T đặt 30.000 (ba mươi nghìn) đồng vào ô hình “Cá” và 30.000 (ba mươi nghìn) đồng vào ô hình “Cua”; Trịnh Nhựt T2 đặt 10.000 (mười nghìn) đồng vào ô hình “Bầu”; Lý Chí L1 đặt 20.000 (hai mươi nghìn) đồng vào ô hình “Cá”; Nguyễn Chí L2 đặt 60.000 (sáu mươi nghìn) đồng vào ô hình “Bầu”; Trần Thị C đặt 20.000 (hai mươi nghìn) đồng vào ô hình “Cua”; Nguyễn Văn T5 đặt 40.000 (bốn mươi nghìn) đồng vào ô hình “Nai”; Nguyễn Văn T6 đặt 20.000 (hai mươi nghìn) đồng vào ô hình “Bầu” và 40.000 (bốn mươi nghìn) đồng vào ô hình “Cua”; Phạm Hữu T7 đặt 20.000 (hai mươi nghìn) đồng vào ô hình “Nai”. Khi tất cả đặt cược xong, bị cáo N chưa mở nắp nhựa và chưa biết kết quả thắng thua thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ tiền Ngân hàng N9 9.510.000 (chín triệu năm trăm mười nghìn) đồng, trong đó: T10 trên chiếu bạc 330.000 (ba trăm ba mươi nghìn) đồng, thu tiền trên người các con bạc sử dụng vào mục đích đánh bạc là 9.180.000 (chín triệu một trăm tám mươi nghìn) đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và luận tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Thị N phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các bị cáo Bùi Thị H, Phan Thị P, Phan Hữu T, Trịnh Nhựt T2, Lý Chí L1, Nguyễn Chí L2, Trần Thị C, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn T6, Phạm Hữu T7 phạm tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi cũng đánh giá các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 322, Điểm o, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Thị N mức án từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (hai mươi bốn) đến 30 (ba mươi) tháng.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Bùi Thị H mức án từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phan Thị P mức án từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phan Hữu T mức án từ 07 (bảy) đến 10 (mười) tháng tù.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trịnh Nhựt T2 mức án từ 07 (bảy) đến 10 (mười) tháng tù.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lý Chí L1 mức án từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Chí L2 mức án từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Thị C mức án từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T5 mức án từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T6 mức án từ 07 (bảy) đến 10 (mười) tháng tù.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phạm Hữu T7 mức án từ 07 (bảy) đến 10 (mười) tháng tù.

Về vật chứng:

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 9.510.000 (chín triệu năm trăm mười nghìn) đồng là tiền thu trên chiếu bạc và thu trên người các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- 03 hột bầu cua; 01 nắp nhựa; 01 đĩa nhôm; 01 cái bàn nhựa màu đỏ bên trên có chữ B, C, T, C3, N, G1 bị gãy 01 chân bàn; 06 cái ghế nhựa; 01 bóng đèn chiếu sáng; 01 đoạn dây điện dài khoảng 09m màu trắng; 01 xô màu vàng bị khoét ở vùng đáy xô đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy.

Đề nghị truy thu số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Bùi Thị H là 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của bị cáo đã thực hiện, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung, các bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh; điều luật áp dụng; tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thị N, Bùi Thị H, Phan Thị P, Phan Hữu T, Trịnh Nhựt T2, Lý Chí L1, Nguyễn Chí L2, Trần Thị C, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn T6, Phạm Hữu T7 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, cụ thể: Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 17/01/2025, bị cáo N đã chuẩn bị các dụng cụ chơi lắc bầu cua gồm: 03 hột bầu cua, 01 chiếc nắp nhựa, 01 đĩa nhôm, 01 cái bàn nhựa màu đỏ bên trên có chữ B, C, T, C3, N, G1 và ghế nhựa để tổ chức đánh bạc thắng thua bằng tiền tại khu đất trống cạnh nhà Số B đường N, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh với hình thức đánh bạc là lắc bầu cua. Bị cáo N làm cái cho các con bạc đặt cược số tiền từ 10.000 (mười nghìn) đồng đến 100.000 (một trăm nghìn) đồng thắng thua trực tiếp với bị cáo N. Khi bắt đầu ván chơi, 03 hột bầu cua sẽ được bị cáo N để vào đĩa nhôm rồi đập lại bằng nắp nhựa. Sau đó, bị cáo N lắc các hột bầu cua cùng lúc và kết quả được giữ kín. Các con bạc bắt đầu đặt cược tiền vào một hoặc nhiều hình “Bầu, C4, T9, C3, N8, G1” tương ứng với các chữ B, C, T, C, N, G1 trên bàn nhựa cùng một lúc trong cùng một lượt chơi. Khi việc đặt cược đã hoàn thành, bị cáo N sẽ mở kết quả và thông báo các hình biểu tượng xuất hiện. Nếu trong 03 hột bầu cua có xuất hiện các hình biểu tượng mà con bạc đặt cược tiền thì bị cáo N thua và phải trả lại tiền đặt cược cho con bạc, đồng thời trả thêm tiền thua cược bằng với số lần biểu tượng đó xuất hiện nhân với số tiền cược cho con bạc; ngược lại nếu hình biểu tượng không xuất hiện thì bị cáo N sẽ thắng toàn bộ số tiền đặt cược của con bạc và việc giao nhận tiền đánh bạc được thực hiện tại chiếu bạc.

Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo N lắc hột bầu cua cho những người tham gia đánh bạc đặt cược gồm: Bùi Thị H đặt 10.000 (mười nghìn) đồng vào ô hình “Cua” và 10.000 (mười nghìn) đồng vào ô hình “Nai”; Phan Thị P đặt 10.000 (mười nghìn) đồng vào ô hình “Cá” và 10.000 (mười nghìn) đồng vào ô hình “Gà”; Phan Hữu T đặt 30.000 (ba mươi nghìn) đồng vào ô hình “Cá” và 30.000 (ba mươi nghìn) đồng vào ô hình “Cua”; Trịnh Nhật T2 đặt 10.000 (mười nghìn) đồng vào ô hình “Bầu”; Lý Chí L1 đặt 20.000 (hai mươi nghìn) đồng vào ô hình “Cá”; Nguyễn Chí L2 đặt 60.000 (sáu mươi nghìn) đồng vào ô hình “Bầu”; Trần Thị C đặt 20.000 (hai mươi nghìn) đồng vào ô hình “Cua”; Nguyễn Văn T5 đặt 40.000 (bốn mươi nghìn) đồng vào ô hình “Nai”; Nguyễn Văn T6 đặt 20.000 (hai mươi nghìn) đồng vào ô hình “Bầu” và 40.000 (bốn mươi nghìn) đồng vào ô hình “Cua”; Phạm Hữu T7 đặt 20.000 (hai mươi nghìn) đồng vào ô hình “Nai”. Khi tất cả đặt cược xong, bị cáo N chưa mở nắp nhựa và chưa biết kết quả thắng thua thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang.

Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Thị N đã phạm vào tội “Tổ chức đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các bị cáo Bùi Thị H, Phan Thị P, Phan Hữu T, Trịnh Nhật T2, Lý Chí L1, Nguyễn Chí L2, Trần Thị C, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn T6, Phạm Hữu T7 đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố bị cáo Trần Thị N về tội “Tổ chức đánh bạc” và các bị cáo Bùi Thị H, Phan Thị P, Phan Hữu T, Trịnh Nhật T2, Lý Chí L1, Nguyễn Chí L2, Trần Thị C, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn T6, Phạm Hữu T7 về tội “Đánh bạc” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước về trật tự công cộng; gây mất trật tự an toàn xã hội, gây ảnh hưởng đến đời sống và sinh hoạt tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo nhận thức rõ hành vi của các bị cáo là sai trái, phạm pháp nhưng vì lợi ích cá nhân mà các bị cáo vẫn thực hiện. Do đó, cần có mức hình phạt phù hợp để răn đe, giáo dục các bị cáo và góp phần trong công cuộc đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên, cần xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi và nhân thân của các bị cáo để có mức hình phạt tương xứng.

Trong vụ án này, bị cáo Trần Thị N đứng ra chuẩn bị công cụ thực hiện hành vi đánh bạc và thắng thua trực tiếp với các con bạc nên Hội đồng xét xử cần xử lý bị cáo N bằng mức hình phạt nghiêm khắc hơn các bị cáo còn lại là phù hợp.

[3] *Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

* Đối với bị cáo Trần Thị N:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người đủ 70 tuổi trở lên phạm tội và phạm tội lần đầu. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm o, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là có căn cứ.

Xét bị cáo Trần Thị N có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Từ lúc phạm tội cho đến nay, bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật của địa phương, chấp hành tốt lệnh triệu tập của các cơ quan tiến hành tố tụng, bị cáo có khả năng tự cải tạo bản thân. Hội đồng xét xử xét nếu không buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội và công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Hơn nữa, bị cáo đã trên 70 tuổi. Bị cáo phạm tội với tính chất đơn lẻ, không có đồng phạm. Do bị cáo có đủ điều kiện quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ và phù hợp đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi.

* Đối với bị cáo Bùi Thị H:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là người cao tuổi và bị cáo có chồng là ông Nguyễn Văn N2 từng tham gia chiến đấu tại chiến trường Campuchia. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là có căn cứ.

Nhân thân: Ngày 28/6/2021, Công an xã T, huyện C ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép theo Điểm a Khoản 2 Điều 26 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013, phạt tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, bị cáo H đã đóng tiền phạt vào ngày 22/9/2021.

* Đối với bị cáo Phan Thị P:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là người cao tuổi và có bệnh thoái hóa cột sống khác có tổn thương rễ sống, viêm khớp dạng thấp không đặc hiệu, bệnh trào ngược dạ dày, suy tĩnh mạch (mạn). Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là có căn cứ.

Xét bị cáo Phan Thị P có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Từ lúc phạm tội cho đến nay, bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật của địa phương, chấp hành tốt lệnh triệu tập của các cơ quan tiến hành tố tụng, bị cáo có khả năng tự cải tạo bản thân. Hội đồng xét xử xét nếu không buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội và công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do bị cáo có đủ điều kiện quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao

sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ và phù hợp đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi.

* Đối với bị cáo Phan Hữu T:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là có căn cứ.

Nhân thân: Năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số 32/2017/HSST ngày 28/02/2017, bị cáo kháng cáo. Ngày 01/6/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án số 32/2017/HSST ngày 28/02/2017. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/10/2021.

* Đối với bị cáo Trịnh Nhựt T2:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là có căn cứ.

Nhân thân: Năm 2007, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 (mười tám) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 121/2007/HSST ngày 07/9/2007, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/10/2008.

Năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án số 39/2018/HSST ngày 14/3/2018. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/01/2019.

* Đối với bị cáo Lý Chí L1:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là có căn cứ.

* Đối với bị cáo Nguyễn Chí L2:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 78/2022/HSST ngày 20/5/2022. Chấp hành xong ngày 28/10/2024. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là có căn cứ.

Nhân thân: Năm 2010, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 158/2010/HSST ngày 30/8/2010, đã chấp hành xong.

* Đối với bị cáo Trần Thị C:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là người cao tuổi và có bệnh tăng huyết áp vô căn (nguyên phát), tăng nồng độ Glucoza máu, rối loạn chuyển hóa lipoprotein và tình trạng tăng lipid máu khác, bệnh tim thiếu máu cục bộ mạn, bệnh đa dây thần kinh trong các bệnh nội theo Phiếu kết quả xét nghiệm ngày 04/5/2025 của Bệnh viện Đ3. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là có căn cứ.

Xét bị cáo Trần Thị C có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Từ lúc phạm tội cho đến nay, bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật của địa phương, chấp hành tốt lệnh triệu tập của các cơ quan tiến hành tố tụng, bị cáo có khả năng tự cải tạo bản thân. Hội đồng xét xử xét nếu không buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội và công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do bị cáo có đủ điều kiện quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ và phù hợp đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi.

* Đối với bị cáo Nguyễn Văn T5:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là có căn cứ.

* Đối với bị cáo Nguyễn Văn T6:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm

s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là có căn cứ.

Tiền sự: Ngày 23/02/2024, Công an xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép theo Điểm a Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ, phạt tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, bị cáo T6 đã đóng tiền phạt vào ngày 26/02/2024.

Nhân thân: Năm 2002, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 (bảy) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 130/HSST ngày 27/11/2002, đã chấp hành xong hình phạt.

* Đối với bị cáo Phạm Hữu T7:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là có căn cứ.

Nhân thân: Ngày 02/4/2018, Công an xã T, huyện C ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép theo Khoản 2 Điều 26 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013, phạt tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, bị cáo đã đóng tiền phạt vào ngày 02/4/2018.

[4] *Về xử lý vật chứng vụ án:*

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 9.510.000 (chín triệu năm trăm mười nghìn) đồng thu trên chiếu bạc và trên người các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- 03 (ba) hột xí ngầu có 06 mặt: bầu, cua, tôm, cá, gà, nai (gọi tắt là hột bầu cua); 01 (một) chiếc nắp nhựa; 01 (một) đĩa nhôm; 01 (một) cái bàn nhựa màu đỏ bên trên có chữ N, B, Gà, C3, C, T bị gãy 01 chân bàn; 06 (sáu) cái ghế nhựa; 01 (một) bóng đèn chiếu sáng; 01 (một) đoạn dây điện dài khoảng 09m màu trắng; 01 (một) xô màu vàng bị khoét ở vùng đáy xô không còn giá trị sử dụng Hội đồng xét xử quyết định tịch thu, tiêu hủy.

[5] Xét cần buộc bị cáo Bùi Thị H nộp số tiền thu lợi bất chính là 500.000 (năm trăm nghìn) đồng vào Ngân sách Nhà nước.

[6] *Về các vấn đề khác:*

Đối với Trần Minh T11 trước đó có tham gia cá cược nhưng khi Công an bắt quả tang T11 không tham gia. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã chuyển hồ sơ Công an xã T, huyện C ra Quyết định xử phạt hành chính theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp.

[7] *Về nghĩa vụ chịu án phí:*

Buộc các bị cáo Phan Hữu T, Trịnh Nhựt T2, Lý Chí L1, Nguyễn Chí L2, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn T6, Phạm Hữu T7 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Các bị cáo Trần Thị N, Bùi Thị H, Phan Thị P, Trần Thị C là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị N phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Tuyên bố các bị cáo Bùi Thị H, Phan Thị P, Phan Hữu T (tên gọi khác: N3), Trịnh Nhựt T2, Lý Chí L1, Nguyễn Chí L2, Trần Thị C, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn T6, Phạm Hữu T7 về tội “Đánh bạc”.

1. Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 322, Điểm o, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018;

Xử phạt bị cáo Trần Thị N 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Thị N cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Trần Thị N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Bùi Thị H 06 (sáu) tháng tù, trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2025 đến ngày 17/4/2025. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án.

3. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022

của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018;

Xử phạt bị cáo Phan Thị P 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phan Thị P cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Phan Thị P thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

4. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phan Hữu T 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2025.

5. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trịnh Nhựt T2 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2025.

6. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lý Chí L1 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2025.

7. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí L2 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2025.

8. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018;

Xử phạt bị cáo Trần Thị C 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Thị C cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Trần Thị C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

9. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T5 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2025.

10. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T6 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2025.

11. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Hữu T7 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2025.

12. Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 9.510.000 (chín triệu năm trăm mười nghìn) đồng.

Tịch thu, tiêu hủy: 03 (ba) hộp xì gà có 06 mặt: bầu, cua, tôm, cá, gà, nai (gọi tắt là hộp bầu cua); 01 (một) chiếc nắp nhựa; 01 (một) đĩa nhôm; 01 (một) cái bàn nhựa màu đỏ bên trên có chữ N, B, Gà, C3, C, T bị gãy 01 chân bàn; 06 (sáu) cái ghế nhựa; 01 (một) bóng đèn chiếu sáng; 01 (một) đoạn dây điện dài khoảng 09m màu trắng; 01 (một) xô màu vàng bị khoét ở vùng đáy xô.

Các vật chứng nêu trên được liệt kê tại Lệnh nhập kho vật chứng số 263/LNK-ĐCSHS ngày 06/02/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C và Lệnh nhập kho vật chứng số 533/LNK-CSHS (CC) ngày 14/3/2025, Phiếu nhập kho vật chứng số 160/PNK ngày 14/4/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc bị cáo Bùi Thị H phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 500.000 (năm trăm nghìn) đồng vào ngân sách Nhà nước.

13. Căn cứ vào Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Án phí hình sự sơ thẩm buộc các bị cáo Phan Hữu T, Trịnh Nhật T2, Lý Chí L1, Nguyễn Chí L2, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn T6, Phạm Hữu T7 phải chịu là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Các bị cáo Trần Thị N, Bùi Thị H, Phan Thị P, Trần Thị C là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm

14. Căn cứ vào Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đã giải thích chế độ án treo cho các bị cáo Trần Thị N, Phan Thị P, Trần Thị C.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Như Ngọc